

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG TỨ MINH

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025
của HĐND phường Tứ Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	112.015	142.447
I	Thu nội địa	112.015	20.242
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	3.441	1.032
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.787	536
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	
7	Lệ phí trước bạ	340	-
8	Thu phí, lệ phí	93	60,0
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	250	-
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	-	
12	Thu tiền sử dụng đất	105.948	18.458
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)	-	
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	
16	Thu khác ngân sách	34	34
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	122	122
II	Thu viện trợ		
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	122.205
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên		122.205
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

PHƯỜNG TỨ MINH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND phường Tứ Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

ST	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	142.447
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	142.447
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	18.458
1	Chi đầu tư cho các dự án	
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.1	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	120.013
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	85.292
2	Chi quốc phòng	824
3	Chi an ninh và trật tự ATXH	1.782
4	Chi khoa học và công nghệ	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	116
6	Chi văn hóa thông tin	800
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	152
8	Chi thể dục thể thao	197
9	Chi bảo vệ môi trường	3.972
10	Chi các hoạt động kinh tế	2.001
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	22.162
12	Chi bảo đảm xã hội	2.698
13	Chi khác	17
III	Dự phòng ngân sách	3.805
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
V	Tiết kiệm theo NĐ 173/NĐ-CP	171
B	Chi viện trợ	
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG TỨ MINH

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TỨ MINH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025
của HĐND phường Tứ Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025
A	B	I
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	142.447
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	20.243
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	216
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	20.027
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	122.204
-	Thu bổ sung cân đối	122.204
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	142.447
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	142.447
1	Chi đầu tư phát triển	18.458
2	Chi thường xuyên	120.013
3	Dự phòng ngân sách	3.805
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi viện trợ	
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
V	Tiết kiệm theo Nghị quyết 173/NQ-CP	171



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND phường Tứ Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

TRONG ĐÓ																		
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI TX KHÁC	SỐ SAU KHI TRỪ TIẾT KIỂM
			2	3	4	5	6	7	8	9	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN	CHI GIAO THÔNG	SƯ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC	10	11	12	13	14
A	B	1																
	TỔNG SỐ	142.447																
I	Chi đầu tư	18.458																171
1	Văn phòng Đảng ủy xã																	
2	Văn phòng HĐND và UBND xã	18.458																
3	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị																	
4	Phòng Văn hoá - Xã hội																	
5	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể xã, các tổ chức xã hội																	
6	Trung tâm PV Hành chính công																	
7	Trung Văn hoá-Thông tin và Truyền thông																	
8	Chi an ninh																	
9	Chi quân sự																	
II	Chi thường xuyên	120.013																
1	Văn phòng Đảng ủy phường	4.296													4.296			
2	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể xã, các tổ chức xã hội	909													909			
3	VĂN PHÒNG HĐND và UBND	26.244	2.456	1.914	-	116	100	-	-	3.972	2.001	37	1.195	769	12.800	2.698	17	171
3.1	Văn phòng	16.960	-	0	0	-	0	0	0	3.972	0	0	0	0	12.800	-	17	171

[illegible]